

NHỮNG NHƯỢNG BỘ CỦA VIỆT CỘNG

(Trích từ Nghĩa vụ bảo vệ bờ cõi Việt Nam)

Nguyễn Đình Sài

- Nhượng bộ biên giới Hoa Việt 1979 Như các phần trên đã trình bày, trận xâm chiếm của Trung Quốc vào biên giới phát nguyên từ nhiều nguyên do, trong đó, tham vọng lấn chiếm và thôn tính các nước láng giềng là động cơ thâm kín còn mục tiêu phá vỡ hiệp ước liên kết của Liên Xô - Việt Nam ký vào năm 1978 là lý do bên ngoài. Dĩ nhiên, vì đã lựa chọn theo Liên Xô và trở thành kẻ thù của Trung Quốc, Hà Nội phải kháng cự vì sự sống còn của chế độ, chứ không phải để bảo toàn đất nước. Bằng cơ CSVN xem nhẹ về sự vẹn toàn lãnh thổ được nêu lên bằng một chuỗi thảo luận và tương nhượng sau khi Trung Cộng rút quân về. Kết quả sau 15 lần thương thảo là việc CSVN thỏa thuận nhượng cho Trung Quốc 720 km vuông ở vùng Lạng Sơn mà nhiều cán bộ CSVN trong nước đã tố cáo lãnh đạo đảng. Nhưng diện tích này chỉ tính ở biên giới Nam Quan vùng Đồng Đăng tỉnh Lạng Sơn mà thôi. Theo tài liệu từ Trung Quốc mà giáo sư Trần Đại Sỹ thu thập, thì cổng Hữu Nghị đã bị dời về phía nam, cách ải Nam Quan 5 cây số, và nằm trong địa phận của quận Đồng Đăng (hình 19). Hiện nay, trạm ga xe lửa xuyên quốc gia đặt tại Đồng Đăng là trạm kiểm soát của hai bên (hình 20 - Vietnam and China Rebuild Ties, The Christian Science Monitor - International, Oct 3, 1997). Đó là chưa kể bề dày của biên giới mới khoảng 600 m cũng nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Du khách từ nước này phải đi bộ giữa 2 trạm mới qua được biên giới nước kia. Trên thực tế,

diện tích đất đai mất mát lên hàng ngàn cây số vuông, nếu tính cả các vùng phải di nhượng ở Cao Bằng và Lào Kay. Theo tài liệu Pacific Forum CSIS Comparative Connections, cuộc thương thảo lần cuối (thứ 15) giữa hai bên Việt Hoa kéo dài một tháng từ 22-6 đến 22-7-1999. Hai bên nỗ lực làm việc để kịp thời hạn ký kết hiệp ước vào cuối năm theo lệnh của các chủ tịch đảng. Mất thời gian nhất là một số "bất đồng ý kiến về ranh giới trong 76 vùng tranh chấp". Lược qua các ghi chép (chronology) của CSIS về các cuộc thăm viếng qua lại giữa đôi bên, hay các cuộc thảo luận song phương, người ta thấy rất rõ là Hà Nội luôn luôn ở thế bị động và sau những lần dằng co từ chối, đều phải chấp nhận những đòi hỏi của Bắc Kinh. Kết quả, hiệp ước biên giới song phương đã được bộ trưởng ngoại giao Tống Gia Xuân và Nguyễn Mạnh Cẩm ký vào ngày cuối năm (30-12-1999). Ngày 29-4-2000, quốc hội Trung Quốc thông qua hiệp ước; ngày 9 tháng 6, 2000, quốc hội CSVN cũng thông qua. Hiển nhiên là hai bên đều được lợi: Trung Quốc được chủ quyền các vùng đất huyết mạch kiểm soát phía bắc ngạn các sông Kỳ Cùng và sông Bằng, hầu có thể mở tung cánh cửa vào phía nam, mà mấy ngàn năm qua các cuộc xâm lăng từ phương Bắc thường bị chặn vì địa thế hiểm trở. Khi đất đã nhượng thì cũng nhượng luôn cả dân bản xứ, ai không muốn sống trong vùng quản chế của Trung Quốc thì được giúp đỡ tái định cư trên đất hoang ở ranh giới phía nam các sông Kỳ

Cùng và sông Bằng. Khi nhượng đất như thế thì Hà Nội được lợi gì? Theo tiết lộ của nhật báo Xinhua, món lợi đưa đến từ cuộc nhượng đất đai này là việc giao thương lên đến hàng tỷ mỹ kim và việc Bắc Kinh viện trợ cho Hà Nội xây dựng các dự án kỹ nghệ về thủy lực (hydropower), thép, hơi đốt, phân bón và quặng nhôm (bauxite). Có người đặt vấn đề rằng nếu Hà Nội phải hy sinh vài ngàn cây số đất hoang mà được viện trợ như thế thì đó là việc “thuận mua vừa bán” và việc “bán nước” không còn là một “tội” như những người khác buộc. Lý luận như thế có hai điều không chính: Thứ nhất, đất nước là của dân tộc, không phải của bất cứ một chế độ nào. Chế độ không có quyền cắt nhượng đất đai của dân tộc cho người để được lợi trong thời đại của mình. Thứ hai, lý luận “thuận mua vừa bán” mặc nhiên chấp nhận tính cách đổi chác của Bắc Kinh trong việc “mua” đất của dân tộc Việt Nam bằng một cái giá được nhà cầm quyền CSVN chấp nhận, do đó sẽ rất khó cho dân tộc Việt Nam đặt vấn đề bất công để đòi lại sau khi chế độ hiện hữu cáo chung. Thực tế cho thấy Bắc Kinh vừa dùng vũ lực, vừa mua chuộc, vừa gạt gẫm lãnh đạo Hà Nội để chiếm cho bằng được các vùng đất có quặng mỏ quý và có địa lợi chiến thuật, làm đầu cầu xâm lược sau này. Trong bản tường trình của Giáo sư Trần Đại Sỹ, ông đã nêu lên những “ngghi vấn” về vụ một số nhân vật lãnh đạo cao cấp “thân Nga chống Hoa” đã bị đầu độc, trở thành “bán thân bất toại.” Nếu những nghi vấn này có thật, thì cũng chẳng bao giờ có thể trở thành những vụ án được cứu xét. Trong chế độ cộng sản, không bao giờ có “công lý” cho người ngã ngựa.

- Nhượng bộ một phần vịnh Bắc Việt Vụ nhượng đất vừa xong thì tiếp đến vụ sang nhượng một phần biển trong vịnh Bắc Việt

(Tonkin Bay). Theo Luke T. Chang, (China's Boundary Treaties and Frontiers Disputes), hiệp ước Pháp - Thanh được ký kết tại Bắc Kinh trên 100 năm trước, ngày 26-6-1887, có ghi rõ đường phân ranh giới hải phận EEZ (Exclusive Economic Zone) trong vịnh Bắc Việt được lấy theo đường kinh tuyến (longitude) 108o03'18"E (tính từ Greenwood) khởi đầu từ biên giới bờ biển giữa hai nước tại Vịnh Tonkin. Bắc Kinh không đồng ý tuân theo hiệp ước cũ và đòi hỏi Việt Nam phải chấp nhận lấy đường trung tuyến để ấn định lãnh hải EEZ giữa hai nước. Tuy nhiên đường trung tuyến của Bắc Kinh dựa trên đảo Hải Nam và bờ biển Việt Nam, trong khi Hà Nội chủ trương trung tuyến nằm giữa hai đảo Bạch Long Vĩ và Hải Nam. Tính ra, sự khác biệt là vùng màu xám ở giữa vịnh, với một diện tích trên 5 ngàn cây số vuông (hình 21). Sau một năm thảo luận, Hà Nội lại phải nhượng bộ, chịu hủy bỏ hiệp ước Pháp-Thanh, chịu mất độc quyền kinh tế trong vùng xám. Vùng này nằm trong thềm lục địa của Việt Nam, rất gần với đảo Bạch Long Vĩ, có nhiều tôm cá và các loại hải sản khác cũng như tiềm năng về khí đốt dưới lòng biển. Ngày 25-12-2000, Chủ tịch Nhà Nước Trần Đức Lương sang Trung Quốc ký hiệp ước lịch sử chấp nhận hải phận theo đường vẽ của Trung Quốc. Hiệp ước cũng phân định sự hợp tác đánh cá và sử dụng tài nguyên năng lực nguyên tử giữa hai nước. Lại một lần nữa, quyền lợi và sự sống còn của chế độ được Hà Nội đặt lên trên chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc.

- Nhượng bộ tại quần đảo Trường Sa Việc nhượng bộ tại quần đảo Trường Sa hiện nay là vấn đề gay go nhất cho chế độ CSVN. Tất cả tài liệu của VNCH đều xác định chủ quyền toàn vẹn trên lãnh thổ ngoài khơi này. Hiện

nay, Hà Nội không những đương đầu với Trung Quốc mà còn với nhiều quốc gia khác như Đài Loan, Phi Luật Tân, Mã Lai là các nước đã chiếm đóng một phần của quần đảo. Một điều vô cùng nghịch lý, là Trung Quốc không chịu thương thuyết đa phương (multilateral discussion) mà chỉ chịu thương thảo song phương (bilateral) với các quốc gia Phi Luật Tân và Mã Lai Á, nhưng lại không chịu thương thuyết với Việt Nam về Trường Sa. Điều nghịch lý này tương tự như những tên cướp bàn luận để chia chác những gì cướp được, còn người bị cướp thì không được dự vào. Nguồn lợi dầu hỏa và khí đốt lớn lao trong vùng không cho phép Hà Nội nhượng bộ các nước một cách dễ dàng. Vì nếu chấp nhận tình trạng chiếm đóng của các nước, thì Hà Nội sẽ bị mất vĩnh viễn một nguồn lợi lớn. Mặc dù hiện nay Hà Nội thừa hưởng di sản của VNCH để lại, chiếm đóng nhiều đảo và diện tích rộng lớn hơn tất cả các nước cộng lại, nhưng trên 50% vùng dầu hỏa và khí đốt lại nằm trong hải phận EEZ của Mã Lai Á. Mặt khác, đối với Trung Quốc, Hà Nội lâm vào tình trạng “há miệng mắc quai”, vì bị kẹt với văn thư của Phạm Văn Đồng chấp nhận lãnh hải rộng lớn của “Đại Trung Quốc.” từ năm 1958. Do đó, hiện nay Hà Nội có vẻ “chịu phép” với Trung Quốc, không dám hăng hái tranh đấu bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Trường Sa. Theo tờ LatelineNews ngày 15-2-2001, dưới tựa đề “Vietnam Distances Itself from Spratly Islands Report”, Hà Nội đã “né tránh trách nhiệm” khi tờ Sài Gòn Giải Phóng, một đại nhật báo của đảng tại miền Nam tương tự như tờ Nhân Dân ở miền bắc, đăng một bài báo tiết lộ rằng “các viên chức cao cấp của đảng và quân đội đã họp kín để thảo luận về việc thành lập đơn vị quản trị hành chính riêng cho quần đảo Trường Sa và thiết

kế việc bảo vệ chủ quyền Việt Nam.” Bài báo của tờ SGGP đã gây nên một “phản ứng bên nhạy” từ phía Trung Quốc. Phát ngôn nhân bộ ngoại giao Trung Quốc Zhu Bangzao (Dư Bằng Giao) đã lên tiếng: “Trung Quốc có chủ quyền toàn vẹn bất khả tranh chấp đối với quần đảo Nansha và toàn vùng lãnh hải liên hệ. Bất cứ quốc gia nào có hoạt động gì trên quần đảo này đều xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc, đều bất hợp pháp và vô giá trị.” Để đáp lại lời tuyên bố của Dư Bằng Giao, phát ngôn nhân bộ Ngoại Giao CSVN Phan Thúy Thanh giải thích một cách ngượng ngập: “Đó (báo SGGP) chỉ là một tờ báo thành phố (“only a city newspaper”). Bà Phan Thúy Thanh nhiều lần từ chối trả lời trực tiếp các câu hỏi của nhiều ký giả về việc nhà nước CHXHCNVN minh định thế nào về chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa, mà chỉ giải thích rằng “theo sử liệu của Việt Nam Cộng Hoà thời trước, quần đảo này được xem là một phần của tỉnh Khánh Hòa.” Xem như thế, người Việt Nam không còn hy vọng gì ở đảng CSVN trong việc tranh đấu với Trung Quốc để đòi lại chủ quyền về lãnh thổ và lãnh hải mà Trung Quốc đã lấn chiếm bằng một kế hoạch dài hạn và có hệ thống sách lược từ nửa thế kỷ qua. Sự lấn chiếm này sẽ tiếp diễn liên tục theo chiến lược tiệm tiến như vết dầu loang, cho đến khi Trung Quốc hoàn thành tham vọng “Đại Trung Quốc” của họ. Để tự cứu, dân tộc Việt Nam cần ý thức được mối hiểm họa ngoại xâm này hầu có một sách lược đấu tranh quyết liệt và hữu hiệu đối với Trung Quốc. Cuộc đấu tranh này phải được tiến hành song song với cuộc đấu tranh giải trừ mối hiểm họa nội thù của dân tộc là chế độ CSVN. ☐